



Cuốn Chiếu Việt  
Nam

## **KHI ĐỘNG MINH THAO CHẠY**

### **Phần IV - Chương 16**

#### **Vinh biệt ông Đỗ Sĩ**

Loại "Hành quân gió nhanh" vừa ban hành. Tựa xa xa, dăm ba chiếc trực thăng đang lơ lửng bay lơ lửng, lúc nghiêng sang bên phải, lúc sang bên trái, tiếng động cơ vang rền. Những cánh quạt xoay vòng ngang, vòng dọc, làm lung lay ánh mắt trời lúc giữa trưa. Đài phát thanh quân đội Mỹ ở động Minh Thao phát tin tức về khí hậu: "Nhiệt độ ở Sài Gòn là 105 độ và còn đang tăng". Nóng như vậy mà tiếng hát của Bing Crosby theo những máy thu thanh lơ lửng vang vọng "I am dreaming of a white Christmas" (Tôi đang mơ ước một Giáng Sinh tuyết trắng).

Trong lúc tình hình rối ren, dân chúng đổ thành nghe bài ca êm đềm cũng thảnh thơi có vài phút thảnh thơi. Những người Mỹ và một số người Việt liên hệ với Mỹ là họ sẽ cố gắng thảnh thơi, vì biệt rừng giết 24 số phận. Tín hiệu của cuộc di tản cùng, "Hành quân gió nhanh" đã được phát sóng. Họ hoang mang, bối rối, tìm mọi cách để rời khỏi nơi này đã hơn trăm năm, mong được về quê.

Trước Tòa Đô Sĩ Mỹ, tình trạng loạn xạ, xô xát đổ tràn tiếng đã diễn ra. Bên trong, các nhân viên cùng nhau, vừa lo giữ trật tự an ninh, vừa đốt cháy tài liệu mật. Phái sĩ tiếp xúc cho họ vì trực thăng sắp đáp xuống rồi. Đô Sĩ Martin cũng thốt cả vọt, mặc quần áo chỉnh tề, đứng chờ sẵn trong văn phòng ông ở lầu ba. Ông sắp lên trực thăng đi ra đi. Không, "Tôi muốn trở về quê hương", bất chợt ông quay lại nói với mấy người lính cùng. Sợng sợ, nhóm cùng với không hiểu tại sao ông lại muốn trở về quê. Mà làm thế nào để lái xe cho ông ra được khỏi Tòa Đô Sĩ Mỹ?

dù hử tử ý không đửng ý, ông Martin nhử t đử nh cử đi. Ông đử có cách: lách tử đử ng bên hông đử qua toà đử i sử Pháp và đử bử vử nhà. Cử n vử bử t buử c phử i đử theo. Đử đử c, tranh đử nh trong căn nhà ông đử đử ng Phùng Khử c Khoan vử n còn y nguyên. Chử c ông muử n vử đử đử y mử t vài món đử quan trử ng nào đử? Nhử ng không, ông vử đử đử m con Nit Noy đử vử i ông. Nit Noy là tên tiử ng Thửi ("món vử t nhử ") cử a con chó xử màu đen mà ông yêu quý. Chử có thử thử. Ông đử ng thử ng trử đử i Toà đử i sử, cũng qua ngử nhà Đử i sử Merillon. Trử vử văn phòng, ông buử c Nit Noy vào chân mử t cái ghử (1). Thử rử i tiử p tử c làm viử c.

Sau này báo chí chi trích ông vử vử chó xử, ông cũ: "Báo chí cũng chử trích Tử ng thử ng Rossevelt vử con "Fala" cử a ông nhử vử y! Tôi rử t bử t bình vử viử c hử công kích mử t con chó. Trử đử c hử t, không phử i là chó cử a tôi mà là cử a con gái tôi (cô Janet). Vả thử c ra tôi đử không đử nh mang nó đử, vì đử sử p xử p đử nó xin đử đử c ông Đử i sử Pháp cho tử nử n rử i" ("... had arl angledfor Nit Noy to seek asylum with the Ambassador office") (2).

Vào giửy phút cuử i, phóng viên tử Los Angeles Times, ông George Mcarthur trông thử y Nit Noy bử buử c vào chân ghử đử mử i lòng, và quyử t đử nh đử đử i cái máy chử cử a mình rử i đử m nó đử theo. "Tôi sử mử i ghử đử n ông Mcarthur vì vử tôi rử t yêu quý con Nit Noy. Và trong gia đửnh tôi thì vử tôi là ngử đử i đử chử u đử ng nhiử u nhử t vì cuử c đử tử n". Bà Martin chử có 11 phút đử đửng gử i, và phử i đử đử i hử t tử t cử nhử ng kử niử m quý báu thu thử p đử đử c trong bao nhiêu năm qua. Sử đử nhử vử y, vì nhử ông nói "Nêu chúng tôi đửng gử i sử m hử n thì tửn hiử u (vử Mử bử chử y) sử truyử n đử khử p Sài gửn" (3).

Đử ng sau Toà đử i sử, có cây me cử thử rử t đử n, cây dài bóng mát. Sáng sử m ngày 29 tháng 4, nhân viên yêu cử u ông cho chử t xuử ng đử trử c thẳng đử đửp. Không chử u, ông đử rử thửi đử : "Nêu nhử cây này ngử xuử ng thì uy tửn cử a Mử cũng ngử theo" (4).

Ngày trử đử c hôm đử, ông đử gử i đử n cho Ngoử i trử đử ng Kissinger nói rử ng theo ông, sử có mử t cử a Hoa kử đử Sài gửn còn có thử kéo dài đử đử c chử ng mử t năm nử a (5). Rử i chiử u ngày 29, ông đử xin phép đử đử c đử Miử n Nam cùng vử i vài chử c nhân viên. Lý do là đử "tử i thiử u cũng làm cho viử c Mử ra đử có nhân cách đửi chửt" (6).

"Đử đử c rử i, Jim (Schlesinger)," Kissinger gử i cho Tử ng trử đử ng quử c phòng, "Anh phử i nói thử ng vử i ông ta, vì nử u anh không nói "đử là đử nh Tử ng thử ng" thì ông ta không chử u ra đử đử".

"Xong rử i, tôi sử làm chử y đử đử", Schlesinger trử đử i.

"Nhử anh biử t, ông ta đử mử t mử t ngử đử i con đử Viử t nam". Kissinger tiử p.

"Đửng vử y, ta phử i thán phử c ông ta" (7).

Ngoài ngử đử i con là cử u Glenn lái trử c thẳng chử t đử vùng cao nguyên chín năm vử trử đử c, ông Martin còn nử ng lòng vử i uy tửn cử a nử đử c Mử. "Tôi luôn nghĩ tử i sử kiử n là đử có năm Tử ng thử ng Mử đửnh lửu tử i Viử t nam và trong nhử ng hai thử p niửn"

Trong cuử n sách Ending the Vietnam war (2003), chính Kissinger đử bình luử n vử viử c ông Martin chử n chử không chử u đử:

"Nhiử t tình gử n bó vử i nhử ng ngử đử i mà ông sử p bử bử t buử c phử i bử đử i, ông Martin đử coi nhử bử n phử n cử a mình là phử i kéo dài cuử c rút lui cử a Mử trong mử t thử i gian dài nhử t đử giử đử i sử có mử t cử a Mử (tử i Viử t nam) làm sao cho còn đử đử biử n hử "cho viử c cử u ngử đử i Viử t nam".

"Tin rử ng, ngay trử đử c mử t, sử hoử ng hử t đử Sài gửn còn đửng lo ngử i hử n nhử ng kử hoử chử tử n công cử a Hà nử i, ông đử phử n đử u đử cho cuử c đử tử n quá chử mử hử n là chính Tử ng thử ng Ford, Scowcroft, và tôi - con đử u hửu trong Chính phử - đử cho là thích đử ng" (8)

Vào đử p Lử Phử c Sinh (tháng 3) 1975, cô thử ký Eva cho hay là ông lâm bử nh, tôi có ghé thửm, thử y ông xanh xao, mử t mử i. Ông nói là bử cúm, nhử ng tôi nghi là viửm phử i. Hửt thuử c lá liên tử c, càng hửt, ông càng ho thửm.

Trong đử u kiử n sử c khoử nhử vử y mà ông đử hử u nhử mử t mình đử ng ra chử u trử n đử vử t vát



không, trệ c khi có nhệ ng hành đệng mà hệ u quệ là đã đệ a thệ giệ i tệ i tình trệ ng rệ i rệ m nhệ ngày nay?

Khi tôi hệ i ông nghĩ sao đệ i vệ i chệ trích vệ nhệ ng lệ i tuyên bệ và công việ c ông làm, ông Martin trệ lệ i: "Tôi chệ nói sệ thệ t, và nệ u tôi có tranh đệ u cho Miệ n Nam, thì cũng chệ là vì quyệ n lệ i cệ a nệ c Mệ vệ lâu vệ dài, đó là uy tín cệ a chính sách ngoệ i giao Hoa kệ".

Nhân đệ p kệ niệ m mệ i năm Miệ n Nam sệ p đệ (ngày 30 tháng 4, 1985), tệ New York Times có đặ câu phê phán cệ a vệ Đệ i sệ cuệ i cùng, đệ c nhiệ u ngệ i nhệ c tệ i:

"Rút cuệ c, chúng ta chệ lo tháo chệ y. Ý chí dân tệ c cệ a Hoa kệ đã sệ p đệ". (In the end, we simply cut and ran. The American national will had collapsed).

Đệ vinh danh ông, tôi xin mệ n mệ t phệ n câu ông nói làm đệ u đệ cho cuệ n sách này.

Ngày ông qua đệ i (1990), tôi gệ i lệ i chia buệ n cùng gia quyệ n: "Thay mệ t cho nhệ ng ngệ i Việ t nam bệ n ông, đệ c biệ t là nhệ ng ngệ i đã đệ c ông cệ u giúp, chúng tôi bệi ngùi thệ ng tiệ c và xin chân thành chia buệ n cùng toàn thệ gia đệnh. Nguyệ n xin Thiên Chúa sệ m đệ a linh hệ n ông vệ an nghệ nệ i vễnh phúc".

### Chú thích:

- (1) David Butler, The fall of Saigon, trang 436.
- (2) Graham Martin, Vietnam Evacuation: Testimony, trang 549.
- (3) Graham Martin, Vietnam Evacuation: Testimony, trang 550.
- (4) U.S. Marines, "A Moment in Time With Dan Roberts", trong tài liệ u "The Fall of Saigon By The U.S. Marine" vào internet "Letter to [CMC@FALL](#) of Saigon by U.S. Marines", trang 7.
- (5) George J. Church, "A Look At The Storm..." trong "The Fall of Saigon By The U.S. Marines", vào internet : "Letter to [CMC@FALL](#) of Saigon by U.S. Marines", trang 9.
- (6) David Butler, The Fall of Saigon, trang 386.
- (7) Henry Kissinger, Ending the Vietnam war, trang 552.
- (8) Henry Kissinger, Ending the Vietnam war, trang 540.
- (9) Colin Broussard, Ambassador Graham Martin, trong tài liệ u The Fall of Saigon By The U.S. Marines, xem Letter to [CMC@FALL](#) of Saigon by U.S. Marine", trang 3.
- (10) Henry Kissinger, A World Restored, trang 547-548
- (11) Phệ ng vệ n John Munay, 20 tháng 4, 1985.
- (12) TIME (Magazine), 21 tháng 4, 1975.
- (13) U.S. News and World Report, 29 tháng 4, 1974
- (14) Graham Martin, Vietnam Evacuation: Testimony, trang 587.

hệ t: Phệ n IV - Chệệ ng 16, xem tiệ p:

[Phệ n IV - Chệệ ng 17](#)